

Câu I. Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với các từ còn lại. (0,8 điểm)

- | | | | |
|-------------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------|
| 1. A. <u>c</u> ancer | B. <u>c</u> oncentrates | C. <u>c</u> entury | D. <u>c</u> ancel |
| 2. A. est <u>a</u> lish | B. <u>a</u> rtisan | C. attr <u>a</u> ction | D. <u>h</u> andicraft |
| 3. A. progr <u>a</u> ms | B. <u>i</u> nvites | C. la <u>u</u> ghs | D. en <u>v</u> elopes |
| 4. A. help <u>e</u> d | B. remark <u>e</u> d | C. watch <u>e</u> d | D. struggl <u>e</u> d |

Câu II. Chọn một phương án đúng nhất A, B, C hoặc D ứng với từ hoặc cụm từ thích hợp để hoàn thành các câu sau. (3,2 điểm)

- Michael rarely returns to his hometown, _____?
A. doesn't he B. hasn't he C. does he D. has he
- The decision was postponed, _____ was exactly what he wanted.
A. which B. that C. who D. whom
- I work in an aircraft factory and _____
A. so do my brother B. my brother doesn't, either
C. neither do my brother D. my brother does, too
- I want to _____ a table at the Muong Thanh Hotel.
A. maintain B. reserve C. manage D. allow
- She _____ speak more loudly because we can hardly hear what she is saying.
A. ought to B. shouldn't C. mustn't D. will
- _____ the film begins with a terrible disaster, it has a happy ending.
A. Because of B. In spite of C. Although D. Because
- Nowadays, people tend to go on a holiday _____ than they did in the past so that they can broaden their knowledge of the surrounding world and enjoy their life more.
A. frequently B. more frequent C. frequentlier D. more frequently
- My elder sister isn't _____ to carry that heavy suitcase.
A. so strong B. too strong C. strong enough D. enough strong
- It _____ that some foreigners had collected rubbish on Cat Ba Beach.
A. reports B. had been reported C. reported D. was reported
- She wore _____ the party last night.
A. a long white wedding dress B. a white long wedding dress
C. a wedding white long dress D. a long wedding white dres
- Make sure you _____ us a visit when you are in town again
A. give B. do C. pay D. have
- The match between Arsenal and MU was _____ because of bad weather.
A. kept out B. set out C. sent off D. called off

Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ hoặc cụm từ đồng nghĩa với từ được gạch chân.

13. It's extremely **rude** not to say "Thank you" when you are given something.
A. casual B. careless C. embarrassing D. impolite

14. I received housing benefit when I was **unemployed**.
A. out of order B. out of fashion C. out of work D. out of practice

Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với câu đáp lại phù hợp ở các tình huống giao tiếp sau.

15. *Two friends are talking about the plan for tonight.*

Minh: "_____."

Hoa: "I'd love to. Thank you."

Câu I. Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với các từ còn lại. (0,8 điểm)

- | | | | |
|--------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|
| 1. A. <u>c</u> ancer | B. <u>c</u> oncentrates | C. <u>c</u> entury | D. <u>c</u> ancel |
| 2. A. e <u>s</u> tablish | B. a <u>r</u> tisan | C. a <u>t</u> traction | D. h <u>a</u> ndicraft |
| 3. A. <u>p</u> rograms | B. i <u>n</u> vides | C. l <u>a</u> ughs | D. e <u>n</u> velopes |
| 4. A. h <u>e</u> lped | B. r <u>e</u> marked | C. w <u>a</u> tched | D. <u>s</u> truggled |

Câu II. Chọn một phương án đúng nhất A, B, C hoặc D ứng với từ hoặc cụm từ thích hợp để hoàn thành các câu sau. (3,2 điểm)

- Michael rarely returns to his hometown, _____?
A. doesn't he B. hasn't he C. **does he** D. has he
 - The decision was postponed, _____ was exactly what he wanted.
A. **which** B. that C. who D. whom
 - I work in an aircraft factory and _____
A. so do my brother B. my brother doesn't, either
C. neither do my brother D. **my brother does, too**
 - I want to _____ a table at the Muong Thanh Hotel.
A. maintain B. **reserve** C. manage D. allow
 - She _____ speak more loudly because we can hardly hear what she is saying.
A. **ought to** B. shouldn't C. mustn't D. will
 - _____ the film begins with a terrible disaster, it has a happy ending.
A. Because of B. In spite of C. **Although** D. Because
 - Nowadays, people tend to go on a holiday _____ than they did in the past so that they can broaden their knowledge of the surrounding world and enjoy their life more.
A. frequently B. more frequent C. frequentlier D. **more frequently**
 - My elder sister isn't _____ to carry that heavy suitcase.
A. so strong B. too strong C. **strong enough** D. enough strong
 - It _____ that some foreigners had collected rubbish on Cat Ba Beach.
A. reports B. had been reported C. reported D. **was reported**
 - She wore _____ the party last night.
A. **a long white wedding dress** B. a white long wedding dress
C. a wedding white long dress D. a long wedding white dress
 - Make sure you _____ us a visit when you are in town again
A. give B. do C. **pay** D. have
 - The match between Arsenal and MU was _____ because of bad weather.
A. kept out B. set out C. sent off D. **called off**
- Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ hoặc cụm từ đồng nghĩa với từ được gạch chân.**
- It's extremely **rude** not to say "Thank you" when you are given something.
A. casual B. careless C. embarrassing D. **impolite**
 - I received housing benefit when I was **unemployed**.
A. out of order B. out of fashion C. **out of work** D. out of practice
- Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với câu đáp lại phù hợp ở các tình huống giao tiếp sau.**
- Two friends are talking about the plan for tonight.
Minh: " _____."

Hoa: "I'd love to. Thank you."

A. Would you like to go to the new coffee shop with me?

B. What would you do if you can afford a new car?

C. Would you like a cake?

D. Why do you spend so much time playing games?

16. Two classmates are talking after the closing ceremony.

Linda: "What are you thinking of doing when you leave school?" - **Tom:** "_____"

A. I'm not that great at technology.

B. Not much. My dad is an engineer.

C. I'm not sure. Maybe something with history.

D. Oh, languages are definitely not my strengths.

Câu III. Tìm một lỗi sai trong bốn phần gạch chân A, B, C hoặc D trong các câu sau: (0,8 điểm)

1. It takes my children fifteen minutes to go to the school by bike every day.

A

B

C

D

2. When it began to rain, the BBQ was prepared in the garden by the Smiths.

A

B

C

D

3. I would rather hang out with ours friends tonight, so I try to finish my homework.

A

B

C

D

4. His teacher suggested he spends less time playing computer games and learning more.

A

B

C

D

Câu IV. Viết dạng đúng của động từ trong ngoặc trong các câu sau. (0,8 điểm)

1. This is my last day here. I (fly) **will fly** to Ho Chi Minh City tomorrow.

2. The walls (not paint) **haven't been painted** since I saw it.

3. I don't mind (ride) **riding** a bike to school on rainy days.

4. Students are encouraged (think) **to think** creatively.

Câu V. Viết dạng đúng của từ trong ngoặc để hoàn chỉnh các câu sau. (0,8 điểm)

1. Housework has **traditionally** been regarded as women's work. (tradition)

2. What is the correct **pronunciation** of this word? (pronounce)

3. We apologize for the delay and any **inconvenience** caused. (convenient)

4. Many English words have been **simplified** over the centuries. (simplicity)

Câu VI. Chọn một phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau. (0,8 điểm)

HAS GOOGLE MADE US STUPID?

The rise of Google and other search engines has changed the way we remember information, according to research. (1) we now have access to all the information we could possibly want at the touch of a button, we no longer need to store so much information in our heads. It's been suggested that this is actually changing the way our brains store and recall information. We're quite likely (2) information that we believe we can find online and more likely to remember something that we might not be able to access on the internet. We are now better at remembering where we can (3) of the information than we are at remembering the information itself. Interestingly, the brain is a malleable organ, (4) changes according to our circumstances. So, it's not just Google that can change the way we remember things. We have always looked to "experts" to remember things for us. And even in more informal ways, long-term couples also learn to rely on each other for remembering information.

Now, where did I put my keys?

1. **A.** However

B. Although

C. Because

D. Because of

2. **A.** forgetful

B. forgot

C. forgettable

D. to forget

3. **A.** get hold

B. make use

C. take notice

D. take care

4. **A.** that

B. which

C. what

D. who

Câu VII. Đọc đoạn văn và chọn câu trả lời đúng cho các câu hỏi. (0,8 điểm)

The price of holidays can fluctuate a great deal throughout the year, so you can save a lot if you are flexible with your travel dates and avoid peak holiday times. It can be also cheaper if you book well in advance. Before your departure, make sure you get as much information about your destination as you can. Find out if you require any special visas or permits to travel there. Think about spending money as

Tổng số: 50 câu = 10 điểm (Mỗi câu đúng được 0,2 điểm)

Câu I. Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với các từ còn lại. (0,8 điểm)

1. C	2. B	3. A	4. D
------	------	------	------

Câu II. Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ hoặc cụm từ thích hợp để hoàn thành các câu sau. (3,2 điểm)

1. C	2. A	3. D	4. B
5. A	6. C	7. D	8. C
9. D	10. A	11. C	12. D
13. D	14. C	15. A	16. C

Câu III. Tìm một lỗi sai trong bốn phần gạch chân A, B, C hoặc D trong các câu sau đây. (0,8 điểm)

1. C	2. C	3. B	4. B
------	------	------	------

Câu IV. Viết dạng đúng của động từ trong ngoặc để hoàn chỉnh các câu sau. (0,8 điểm)

1. will fly	2. haven't been painted	3. riding	4. to think
-------------	-------------------------	-----------	-------------

Câu V. Viết dạng đúng của từ trong ngoặc để hoàn chỉnh các câu sau. (0,8 điểm)

1. traditionally	2. pronunciation	3. inconvenience	4. simplified
------------------	------------------	------------------	---------------

Câu VI. Chọn một phương án đúng (A, B, C hoặc D) để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau. (0,8 điểm)

1. C	2. D	3. A	4. B
------	------	------	------

Câu VII. Đọc đoạn văn sau và chọn lời đúng cho các câu hỏi. (0,8 điểm)

1. B	2. B	3. C	4. A
------	------	------	------

Câu VIII. Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi. (0,8 điểm)

1. They prefer a walking tour. / A walking tour.
2. No, they aren't. / No.
3. Ecotourists (They) can choose hotels and tourism companies that hire (mainly) local staff or stay in the local people's homes.
4. Ecotourists (They) can take part in activities or projects (to protect the local environment), such as recycling used products or cleaning up the beach.

Câu IX. Hoàn chỉnh câu thứ hai sao cho không thay đổi nghĩa so với câu đã cho. (1,2 điểm)

1. *Special permits* are required to access Son Doong Cave.
2. *Jim asked* Susan if her sister had helped her type her essay the previous morning. / the morning before.
3. *If* you don't promise to try harder, I won't help you.
4. *Nam has* not flown a kite with his friend since last summer.
5. *She presents* more gently than other students in the class.
6. *Because* she lacked confidence, she failed to become the best orator.

Chú ý: - Thí sinh làm bài cách khác với hướng dẫn chấm mà đúng thì tổ chấm thống nhất cho điểm tương ứng với biểu điểm của hướng dẫn chấm.

